

Số: 63/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 15/8/2019
V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Minh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Vinh
Ông Ngô Tiến Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT tham gia phiên tòa: bà **Lê Ánh Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình, thụ lý số 313/2019/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Tú A** - sinh năm 1990

Địa chỉ: L, P, NT, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

Bị đơn: Ông **Nguyễn Trọng Q** - sinh năm 1989

Địa chỉ: V, NT, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa - nguyên đơn bà Phạm Thị Tú A trình bày: Bà và ông Nguyễn Trọng Q tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND phường P, NT, Khánh Hòa vào năm 2013. Trong thời gian chung sống bà và ông Q phát sinh nhiều mâu thuẫn, kinh cãi do bất đồng quan điểm, hai người không quan tâm đến nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hai ông bà đã sống ly thân gần một năm nay. Vì các con còn nhỏ bà đã liên lạc với ông Q để giải quyết những mâu thuẫn vợ chồng nhưng ông Q không có sự cố gắng để hàn gắn gia đình. Nay, bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà Anh và ông Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T , sinh ngày 01/11/2014 và cháu Nguyễn Phạm Hà T, sinh ngày 04/7/2016. Hai con

chung còn nhỏ, hiện đang sống cùng với bà, bà có thu nhập và chỗ ở ổn định nên sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con chung là cháu T và cháu T. Bà A không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai ngày 03/6/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa - bị đơn ông Nguyễn Trọng Q trình bày:* Ông thống nhất như lời trình bày của bà A về thời gian và điều kiện kết hôn giữa ông và bà A. Ông thừa nhận giữa ông và bà A có phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống chung do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà A yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông thống nhất với lời trình bày của bà A về con chung, ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/11/2014 và cháu Nguyễn Phạm Hà T, sinh ngày 04/7/2016. Ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức T và giao cháu Nguyễn Phạm Hà T cho bà A nuôi dưỡng. Ông đang công tác tại sân bay C, Khánh Hòa và có thu nhập ổn định. Ông không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố NT phát biểu quan điểm: Tòa án nhân dân thành phố NT thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong việc giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét một cách toàn diện, công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/ UBTVQH12 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Phạm Thị Tú A được ly hôn với ông Nguyễn Trọng Q.

- Về con chung: Giao hai con chung cho bà Tú A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi chung cho ông Q do bà Tú A không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Năm 2013, Bà Phạm Thị Tú A và ông Nguyễn Trọng Q tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, NT, Khánh Hòa (Giấy CNKH số 175/2013, quyển số 01/2013, ngày 23/9/2013) nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bà A và ông Q đều thừa nhận giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không thể giải quyết được nên bà A yêu cầu ly hôn, ông Q đồng ý ly hôn. Đây là ý chí tự nguyện của các bên và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] *Về con chung:* Bà Phạm Thị Tú A và ông Nguyễn Trọng Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/11/2014 và cháu Nguyễn Phạm Hà T, sinh ngày 04/7/2016. Tại phiên tòa, bà A có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con chung. Ông Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đức T và giao cháu Nguyễn Phạm Hà T cho bà A nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Phạm Thị Tú A đang làm kế toán tại Công ty TNHH N tại địa chỉ: 30 Âu Cơ, phường P, Tp. NT theo giờ hành chính, thu nhập mỗi tháng của bà khoảng 14.000.000 đồng. Ông Q hiện làm việc tại Công ty cổ phần Nhà Ga Quốc Tế C với thu nhập mỗi tháng 11.300.000 đồng. Cả hai ông bà đều có công việc thu nhập ổn định, đủ điều kiện kinh tế để đảm bảo cuộc sống của gia đình và nuôi con. Tuy nhiên, vì đặc thù công việc hiện nay ông Nguyễn Trọng Q làm việc xa nhà tại sân bay C, Khánh Hòa, thời gian làm việc đi lại không đảm bảo việc chăm sóc cho các con. Trong khi bà Tú A lại có công việc gần nhà, thời gian làm việc theo giờ hành chính nên thuận tiện cho việc chăm sóc nuôi dưỡng con nhiều hơn. Mặt khác, vì hiện nay các con chung đang còn nhỏ cháu T mới chỉ hơn 4 tuổi, cháu T hơn 3 tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống và tâm sinh lý của cháu nên giao 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T và cháu Nguyễn Phạm Hà T cho bà Phạm Thị Tú A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là có cơ sở.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà A và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Bà Phạm Thị Tú A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; Điều 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân.* Bà Phạm Thị Tú A được ly hôn với ông Nguyễn Trọng Q.

2. *Về con chung:* Giao 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 01/11/2014 và cháu Nguyễn Phạm Hà T, sinh ngày 04/7/2016 cho bà Phạm Thị Tú A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông Q do bà A không yêu cầu.

Ông Nguyễn Trọng Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Phạm Thị Tú A và ông Nguyễn Trọng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Bà Phạm Thị Tú A phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0014553 ngày 21/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NT. Bà A đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.NT;
- Chi cục THA.DS TP.NT;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND phường P, Tp. NT,
(Giấy chứng nhận kết hôn số 175/2013,
quyển số 01/2013, ngày 23/9/2013)
- Lưu án văn, hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Minh